TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 395/2019/DS-ST
Ngày: 18/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thanh Thảo
2. Ông Bùi Quốc Tuấn

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Cao Đăng Huy– Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định hoãn phiên tòa số 512/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 509/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Số 89 L, Phường L, Quận Đ, TP.Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Cái Phước T, sinh năm 1997 (Văn bản ủy quyền số 24440/2019/UQ-PGĐK ngày 12/7/2019 của Ngân hàng A) "có mặt".

2. Bị đơn: Ông Dương Ngọc H, sinh năm 1985
Địa chỉ: 129F/138/130 B, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh

"vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng TMCP A đã cấp tín dụng cho ông Dương Ngọc H theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) và Hợp đồng thẻ tín dụng (HĐTTD) mà ông Dương Ngọc H đã ký với A. Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 11/11/2016, số tiền vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích sửa chữa nhà, lãi suất dao động từng thời kỳ (Căn cứ theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 09/11/2016). HĐTTD mở thẻ ngày 21/03/2017, hạn mức 45.000.000 đồng, lãi

suất dao động theo từng thời kỳ (căn cứ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 16/03/2017).

Theo hợp đồng tín dụng ký ngày 09/11/2016, A đã giải ngân cho ông H số tiền là 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ký ngày 09/11/2016. Quá trình thực hiện nghĩa vụ, ông H đã thanh toán 11 kỳ cho A với tổng số tiền là 41.508.216 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 19.753.847 đồng và dư nợ lãi đã trả là 21.754.369 đồng. Sau đó, ông H không thanh toán cho A nữa, từ ngày 11/9/2017 số nợ còn lại được chuyển thành nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 18/11/2019, tổng dư nợ của Hợp đồng tín dụng của ông H tại A đối với hợp đồng tín dụng này là 218. 943.088 đồng (Hai trăm mười tám triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn không trăm tám mươi tám đồng) gồm có nợ gốc là 130.246.153 đồng và nợ lãi là 88.696.935 đồng.

Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 16/3/2017, quá trình tiêu dùng, ông H đã tiêu dùng tổng số tiền là 121.279.200 đồng, ông H đã thanh toán được tổng số tiền là 76.643.838 đồng. Sau đó, ông H cũng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên số tiền nợ còn lại chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 07/10/2017. Tạm tính đến ngày 18/11/2019, tổng dư nợ của hợp đồng này ông H còn nợ A số tiền là 89.917.634 đồng (Tám mươi chín triệu chín trăm mười bảy ngàn sáu trăm ba mươi bốn đông), gồm nợ gốc là 44.770.362 đồng và nợ lãi là 45.147.272 đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên A khởi kiện và tại phiên tòa vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Ngọc H có trách nhiệm thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký với A với số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 308.860.722 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu tám trăm sáu chục ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng). Đồng thời, buộc ông H còn có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho A.

Do ông H là người ký kết hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông H có trách nhiệm trả nợ chứ không yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Dương Ngọc H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của ông H trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông H vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án vá quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các đương sự và diễn biến tại phiên tòa có căn cứ xác định

giữa Ngân hàng TMCP A và ông Dương Ngọc H có xác lập quan hệ hợp đồng tín dụng, theo đó, ông Dương Ngọc H có vay và còn thiếu Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 308.860.722 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu tám trăm sáu mươi ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng).

Do ông Dương Ngọc H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Dương Ngọc H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của ông Hùng trong hồ sơ vụ án. Cụ thể Tòa án đã tống đạt các văn bản sau: thông báo thụ lý số 250/TB-TLVA ngày 18/6/2019, các giấy triệu tập, các Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các giấy triệu tập tham dự phiên tòa, các Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Dương Ngọc H mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét đề nghị của Ngân hàng TMCP A về việc không triệu tập ai khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì không liên quan đến việc vay mượn giữa ông H và A. A chỉ yêu cầu một mình ông Dương Ngọc H là người trực tiếp ký hợp đồng vay phải có trách nhiệm trả nợ là tự nguyện và không trái pháp luật. Quá trình giải quyết ông H không có ý kiến về vấn đề này nên chấp nhận đề nghị của Ngân hàng TMCP A.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Ngọc H trả ngay cho A số tiền nợ vay còn thiếu bao gồm tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 308.860.722 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu tám trăm sáu mươi ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng), bao gồm:

- Nợ gốc của HĐTD số LD1631600877 là : 130.246.153 đồng
- Nợ lãi của HĐTD số LD1631600877 là : 88.696.935 đồng
- Nợ HĐTTD số 194-P-216276 là: 44.770.362 đồng
- Nợ lãi HĐTTD số 194-P-216276 là : 45.147.272 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký với A số LD1631600877 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 194-P-216276 ngày 21 tháng 3 năm 2017 đã kí với A.

Đồng thời, kể từ ngày 19/11/2019 trở đi, buộc ông H còn phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho A.

[4] Bị đơn – ông Dương Ngọc H vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

[5] Căn cứ lời khai nhận của đương sự, Giấy đăng kí vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nở, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 09/11/2016 (Hợp đồng tín dụng số LD1631600877 ngày 11 tháng 11 năm 2016) và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 16/3/2017 (Hợp đồng thẻ tín dụng số 194-P-216276 ngày 21 tháng 3 năm 2017) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ông Dương Ngọc H có ký kết hợp đồng tín dụng để vay và còn nợ tiền vay của A tạm tính đến ngày 18/11/2019, cụ thể:

- Đối với hợp đồng tín dụng số LD1631600877 kí với Ngân hàng TMCP A giải ngân ngày 11/11/2016:

Ông H đã kí kết hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng với số tiền là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) với thời hạn vay là 48 tháng, mục đích vay để sữa chửa nhà với lãi suất dao động theo từng thời kỳ.

Tính từ thời điểm giải ngân đến nay, ông Dương Ngọc H thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình được 11 kỳ, cụ thể ông Dương Ngọc H đã đóng 41.508.216 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm lẻ tám ngàn hai trăm mười sáu đồng), trong đó có 19.753.847 đồng (Mười chín triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn hai trăm mười sáu đồng) tiền gốc và 21.754.369 đồng (Hai mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng) là số tiền lãi đã trả. Kể từ thời điểm 11/9/2017 đến nay, ông Dương Ngọc H không nộp thêm bất cứ khoản tiền nào vào tài khoản trả nợ. Kể từ ngày 11/9/2017 khoản vay của ông H tại A chuyển sang nợ quá hạn, ông H phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7 của Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn).

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 194-P-216276 (HDTTD) mở ngày 21/3/2017, hạn mức 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu đồng) căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 16/3/2017:

Từ ngày giải ngân đến nay, ông Dương Ngọc H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 76.643.838 đồng (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng). Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký, do đó hợp đồng chuyển quá hạn kể từ ngày 07/10/2017 căn cứ theo Điều 1 Quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ về quy định thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng số dư nợ sao kê, do đó hợp đồng chuyển quá hạn kể từ ngày nêu trên và áp dụng lãi suất quá hạn, phí chậm trả và các loại phí áp dụng đối với ông H, căn cứ vào Điều 4 của "Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng" số ngày quá hạn tính đến ngày 18/11/2019 là 722 ngày. Trong đó, nợ gốc Hợp đồng thẻ tín dụng của ông H phải trả là 44.770.362 đồng (Bốn mươi

bốn triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn, ba trăm sáu mươi hai đồng) và lãi suất phải trả là 45.147.272 đồng (Bốn mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi hai đồng) - theo bảng chi tiết vay quá hạn đối với khoản vay thẻ đính kèm.

Phía A đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo trả nợ và cử cán bộ xuống gặp ông H tại địa chỉ 129F/138/130 B, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh nhưng ông Dương Ngọc H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình.

Như vậy, tạm tính đến hết ngày 18/11/2019 tổng dư nợ đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên của ông Dương Ngọc H tại Ngân hàng TMCP A là: 308.860.722 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu tám trăm sáu mươi ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng), gồm:

Nợ gốc của HĐTD số LD1631600877 là : 130.246.153 đồng

- Nợ lãi của HĐTD số LD1631600877 là : 88.696.935 đồng
- Nợ HĐTTD số 194-P-216276 là: 44.770.362 đồng
- Nợ lãi HĐTTD số 194-P-216276 là : 45.147.272 đồng

[5] Do đó, căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A buộc ông Dương Ngọc H có trách nhiệm thanh toán ngay, một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 308.860.722 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu tám trăm sáu mươi ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 19/11/2019 trở đi, ông Dương Ngọc H còn phải thanh toán cho A tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Dương Ngọc H phải nộp án phí DSST trên số tiền có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền án phí là 15.443.036 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn không trăm ba mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Dương Ngọc H trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ vay còn thiếu bao gồm tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 308.860.722 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu tám trăm sáu mươi ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng), bao gồm:

- Nợ gốc của HĐTD số LD1631600877 là : 130.246.153 đồng
- Nợ lãi của HĐTD số LD1631600877 là : 88.696.935 đồng

- Nợ HĐTTD số 194-P-216276 là: 44.770.362 đồng
- Nợ lãi HĐTTD số 194-P-216276 là : 45.147.272 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký với A số LD1631600877 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 194-P-216276 ngày 21 tháng 3 năm 2017 đã kí với A.

Kể từ ngày 19/11/2019 trở đi, ông Dương Ngọc Hcòn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ cho A.

2. Về án phí: Án phí DSST số tiền là 15.443.036 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn không trăm ba mươi sáu đồng).

Ông Dương Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 15.443.036 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn không trăm ba mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.784.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0024305 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.4;
- Chi cục THADS Q4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thảo